

UBND HUYỆN KRÔNG PA CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GD&ĐT

Krông Pa, ngày tháng 01 năm 2022

V/v: báo cáo số lượng học sinh được
hỗ trợ gạo theo Nghị định số 116/2016/
NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ
học kỳ II, năm học 2021-2022.

Kính gửi: - Hiệu trưởng trường THCS Lê Quý Đôn.
- Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Huệ.
- Hiệu trưởng trường THCS Đất Bằng.
- Hiệu trưởng trường PTDT BT THCS Ia Rсай.
- Hiệu trưởng trường Tiểu học & THCS Trần Hưng Đạo.

Thực hiện văn bản số 20/SGDDĐT-KHTC ngày 06/01/2022 của Sở
Giáo dục – Đào tạo Gia Lai về việc báo cáo số lượng học sinh được hỗ trợ gạo
theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ học kỳ II,
năm học 2021-2022;

Để có số liệu chính xác, kịp thời báo cáo về Sở Giáo dục – Đào tạo Gia
Lai. Phòng Giáo dục – Đào tạo yêu cầu đơn vị trường thực hiện một số nội
dung cụ thể như sau:

1. Báo cáo số lượng học sinh được hỗ trợ gạo theo Quyết định số
861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Báo cáo số lượng học sinh được hỗ trợ gạo học kỳ II, năm học 2021-
2022 (theo biểu số 1 gửi kèm).

2. Gửi bản có dấu đỏ về phòng Giáo dục – Đào tạo (đ/c Diệu) chậm
nhất là ngày **11/01/2022** và gửi qua mail dieupgdkrongpa@gmail.com. Để
tổng hợp báo cáo theo yêu cầu.

Nhận được công văn này, phòng Giáo dục – Đào tạo huyện yêu cầu
lãnh đạo các đơn vị trường nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (t/hiện);
- Lãnh đạo phòng GD-ĐT;
- Lưu VT, đ/c Diệu.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Vĩnh

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG VÀ SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ GẠO
THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2021-2022

(Báo cáo số học sinh được hỗ trợ theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Tên trường | Tổng số học sinh | Chia ra các đối tượng được hỗ trợ gạo | | | | Định mức hỗ trợ/HS (15 kg/tháng) | Số tháng đề nghị hỗ trợ (4 tháng) | Tổng số gạo được hỗ trợ HKII năm học 2021-2022 (kg) | Số kg gạo thừa HKI năm học 2021-2022 (nếu có) | Số kg gạo thiếu HKI năm học 2021-2022 (nếu có) | Số kg gạo cần hỗ trợ HK II năm học 2021-2022 (sau khi đã trừ hoặc cộng số gạo thừa, thiếu HK I năm học 2021-2022) |
|-----|------------|------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | | | Học sinh Tiểu học bán trú đang học tại các trường PTDTBT | Học sinh THCS bán trú đang học tại các trường PTDTBT | HS Tiểu học bán thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HK thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn học tại các trường thuộc xã KV III, KV II | HS THCS bán thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có HK thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn học tại các trường thuộc xã KV III, KV II | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)